TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2023
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bá

Bà Nguyễn Thị Đấu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Anh T, sinh năm 1982 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: Anh Dang Vuong J, sinh năm 1975 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Hoa Kỳ;

Người đại diện theo ủy quyền nhận thay văn bản tố tụng: Chị Đặng Thanh T, sinh năm 2004;

Địa chỉ: đường A, Khu phố B, thị trấn P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/01/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Thị Anh T trình bày:

Chị và anh J quen nhau và kết hôn vào năm 2017, sau 06 năm chung sống hạnh phúc thì đến năm 2022 anh chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bất đồng quan điểm không thể chấp nhận được nên chị xin được ly hôn với anh Dang Vuong J.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dang Vuong J trình bày:

Anh và chị T quen nhau và kết hôn vào năm 2017, sau 06 năm chung sống do những bất đồng quan điểm nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử sơ thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Được xác định là tranh chấp "Xin ly hôn" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn chị Trương Thị Anh T có quốc tịch Việt Nam, hiện đang cư trú tại Khu phố B, thị trấn P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; bị đơn anh Dang Vuong J có quốc tịch Hoa Kỳ, cư trú tại Hoa Kỳ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh J đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị T và anh J tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 10/5/2017 tại UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang nên quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị T và anh J có đơn xin vắng mặt nhưng trong bản tự khai anh, chị đều thống nhất cho rằng sau khi kết hôn, thời gian đầu anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống, anh chị đã không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh J cũng đồng ý.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...."*. Giữa chị T và anh J có thời gian 06 năm chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, do khoảng cách về địa lý nên cả hai đã không làm tròn nghĩa vụ vợ chồng, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Điều này cho thấy, mục đích hôn nhân của chị T và anh J đã không đạt được, khó có cơ hội hàn gắn tình cảm. Cả hai anh chị đều mong muốn được ly hôn chứng tỏ anh chị đã không còn tình cảm với nhau, việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho chị T và anh J. Do đó, chị T yêu cầu xin ly hôn với anh J là hoàn toàn phù hợp theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh J khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6].Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Anh T được ly hôn với anh Dang Vuong J.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000456 ngày 30/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thơ